



Phụ lục V

CHU KỲ KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHU KỲ KIỂM ĐỊNH

Năm sản xuất của xe được sử dụng làm căn cứ để xác định chu kỳ kiểm định. Thời gian sản xuất được tính tròn theo năm, tính từ năm sản xuất của xe.

Ví dụ: Xe cơ giới có năm sản xuất là 2025 thì:

- Đến hết ngày 31/12/2027 được tính là đã sản xuất đến 02 năm (2027 - 2025 = 02 năm).

- Từ ngày 01/01/2028 được tính là đã sản xuất trên 02 năm (2028 - 2025 = 03 năm).

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Căn cứ vào Bảng chu kỳ kiểm định, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định (GCN) được xác định theo các trường hợp cụ thể sau đây:

1. Trường hợp miễn kiểm định, kiểm định lần đầu và kiểm định định kỳ

Thời hạn hiệu lực của GCN = Ngày xe kiểm định đạt yêu cầu + Chu kỳ kiểm định tương ứng với loại phương tiện và năm sản xuất – 01 ngày.

Ví dụ: Ô tô chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) không kinh doanh vận tải, sản xuất năm 2026 (xe chưa qua sử dụng), ngày 10/8/2026, chủ xe nộp hồ sơ miễn kiểm định lần đầu.

- Theo Bảng chu kỳ kiểm định, xe này có chu kỳ đầu là 36 tháng.

- Kết quả: Xe được cấp GCN có thời hạn đến hết ngày 09/8/2029.

2. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận kiểm định

Áp dụng cho các trường hợp không thay đổi loại hình vận tải.

Nguyên tắc: Thời hạn hiệu lực của GCN được cấp = thời hạn hiệu lực còn lại của GCN đã cấp trước đó.

Ví dụ: Ô tô tải sản xuất năm 2020, ngày 15/02/2026, xe kiểm định định kỳ đạt yêu cầu, được cấp hạn kiểm định 12 tháng (hết hạn vào 14/02/2027). Ngày 20/9/2026, chủ xe đi làm thủ tục sang tên, đổi biển số xe và đến cơ sở đăng kiểm xin cấp lại GCN.

Kết quả: Xe được cấp GCN có thời hạn đến hết ngày 14/02/2027.

3. Trường hợp cấp lại GCN do thay đổi loại hình vận tải

Nguyên tắc: Áp dụng khi xe thay đổi mục đích sử dụng từ "không KDVT" sang "có KDVT" hoặc ngược lại và chủ xe đề nghị cấp lại GCN (không kiểm định

xe). Thời hạn hiệu lực của GCN cấp lại được xác định theo nguyên tắc không được vượt quá thời hạn kiểm định tương ứng với loại hình vận tải có chu kỳ ngắn hơn, cụ thể:

a) Trường hợp chuyển từ có KDVT sang không KDVT:

- *Nguyên tắc*: Thời hạn hiệu lực của GCN cấp lại được giữ nguyên, bằng với thời hạn hiệu lực còn lại của GCN đã cấp trước đó.

Ví dụ: Xe ô tô 7 chỗ (sản xuất năm 2020), ngày 05/01/2026, xe kiểm định định kỳ dưới hình thức có KDVT (chu kỳ 12 tháng), hạn kiểm định cũ là 04/01/2027. Ngày 10/8/2026, chủ xe xin cấp đổi sang không KDVT.

Kết quả: Cơ sở đăng kiểm cấp GCN mới (ghi nhận không KDVT), thời hạn hiệu lực vẫn giữ nguyên đến hết ngày 04/01/2027.

b) Trường hợp chuyển từ không KDVT sang có KDVT:

- *Nguyên tắc*: Thời hạn hiệu lực GCN cấp lại phải tính toán lại kể từ ngày kiểm định đạt yêu cầu của lần cấp trước đó, áp dụng theo chu kỳ ngắn hơn của hình thức có KDVT.

- *Công thức*: Thời hạn hiệu lực GCN mới = Ngày kiểm định của lần cấp trước đó + Chu kỳ kiểm định của xe có KDVT – 01 ngày.

Ví dụ: Xe ô tô 5 chỗ (sản xuất năm 2025). Ngày 10/02/2026 kiểm định lần đầu hình thức không KDVT (chu kỳ 36 tháng), hạn kiểm định cũ là ngày 09/02/2029. Ngày 15/10/2026, chủ xe xin cấp lại GCN sang hình thức có KDVT (chu kỳ đầu của xe có KDVT là 24 tháng).

Kết quả: Xe được cấp GCN có thời hạn đến hết ngày 09/02/2028.

c) Ngoại lệ bắt buộc kiểm định xe (đối với trường hợp 3b):

Nguyên tắc: Trong trường hợp tính toán lại thời hạn theo điểm 3b nêu trên, nếu thời hạn hiệu lực mới tính ra nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại (tức là đã quá hạn so với chu kỳ của xe có KDVT), cơ sở đăng kiểm từ chối cấp lại và yêu cầu xe phải được kiểm định để cấp GCN.

Ví dụ: Xe ô tô 5 chỗ (sản xuất năm 2023), ngày 15/03/2024 kiểm định lần đầu không KDVT (chu kỳ 36 tháng), hạn kiểm định cũ là ngày 14/03/2027. Ngày 20/08/2026 (xe vẫn đang còn hạn kiểm định), chủ xe xin cấp lại GCN sang có KDVT.

- *Cách tính*: Ngày kiểm định cũ (15/03/2024) + Chu kỳ đầu của xe có KDVT (24 tháng) – 01 ngày = 14/03/2026.

- *Kết quả*: Vì ngày hết hạn mới (14/03/2026) đã nằm trong quá khứ so với ngày đi làm thủ tục (20/08/2026), cơ sở đăng kiểm từ chối cấp lại GCN, xe bắt buộc phải kiểm định.

4. Trường hợp xe cải tạo thay đổi loại phương tiện (theo Bảng chu kỳ kiểm định)

- Loại xe sau cải tạo có chu kỳ kiểm định dài hơn chu kỳ kiểm định của xe trước cải tạo thì áp dụng chu kỳ kiểm định của xe trước cải tạo;

- Loại xe sau cải tạo có chu kỳ kiểm định ngắn hơn chu kỳ kiểm định của xe trước cải tạo thì áp dụng chu kỳ kiểm định của xe sau cải tạo.

Ví dụ: Ô tô khách 15 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sản xuất 15 năm (chu kỳ kiểm định là 03 tháng) cải tạo thành ô tô tải Van. Dù ô tô tải Van sản xuất 15 năm có chu kỳ 06 tháng, nhưng theo nguyên tắc này, xe sau cải tạo vẫn phải áp dụng chu kỳ 03 tháng.

III. BẢNG CHU KỲ KIỂM ĐỊNH

TT	Loại phương tiện	Chu kỳ (tháng)	
		Chu kỳ đầu ⁽¹⁾	Chu kỳ định kỳ ⁽²⁾
1. Ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) không kinh doanh vận tải			
1.1	Thời gian sản xuất đến 07 năm	36	24
1.2	Thời gian sản xuất trên 07 năm đến 20 năm		12
1.3	Thời gian sản xuất trên 20 năm		06
2. Ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có kinh doanh vận tải			
2.1	Thời gian sản xuất đến 05 năm	24	12
2.2	Thời gian sản xuất trên 05 năm		06
3. Ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng			
3.1	Thời gian sản xuất đến 05 năm	24	12
3.2	Thời gian sản xuất trên 05 năm		06
3.3	Thời gian sản xuất từ 15 năm trở lên		03
4. Ô tô chở hàng, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo, ô tô kéo móc, rơ móc, sơ mi rơ móc			
4.1	Ô tô chở hàng, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo, có thời gian sản xuất đến 07 năm; rơ móc, sơ mi rơ móc có thời gian sản xuất đến 12 năm	24	12
4.2	Ô tô chở hàng, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo, có thời gian sản xuất trên 07 năm; rơ móc, sơ mi rơ móc có thời gian sản xuất trên 12 năm		06
5. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ		18	12
6. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ		12	06
7. Xe máy chuyên dùng		18	12

8. Xe mô tô, xe gắn máy			
8.1	Thời gian sản xuất đến 05 năm ⁽³⁾	60	
8.2	Thời gian sản xuất đến 12 năm (trừ trường hợp quy định tại mục 8.1 của bảng này)	24 ⁽⁴⁾	24
8.3	Thời gian sản xuất trên 12 năm	12 ⁽⁵⁾	12

Hướng dẫn thực hiện:

⁽¹⁾ Chu kỳ đầu áp dụng như sau:

- Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu;

- Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe máy chuyên dùng chưa qua sử dụng thuộc đối tượng kiểm định lần đầu (có năm sản xuất đến năm được cấp giấy chứng nhận kiểm định lần đầu dưới 03 năm (năm sản xuất cộng 02 năm)).

⁽²⁾ Áp dụng đối với xe kiểm định định kỳ; xe không thuộc đối tượng được áp dụng chu kỳ đầu.

⁽³⁾ 60 tháng tính từ ngày xuất xưởng xe mô tô, xe gắn máy (chỉ áp dụng 01 lần đầu tiên đối với xe có năm sản xuất tính đến thời điểm kiểm định lần đầu có thời gian không quá 05 năm, trừ trường hợp xe đã cải tạo động cơ, hệ thống xử lý khí thải hoặc xe không có trong cơ sở dữ liệu về chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu) thì cơ sở đăng kiểm căn cứ kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu, thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải và người nộp hồ sơ không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe mô tô, xe gắn máy trong cơ sở dữ liệu không có thông tin về ngày xuất xưởng thì tính từ ngày 31 tháng 12 của năm sản xuất xe).

⁽⁴⁾ Thời điểm thực hiện kiểm định lần đầu: Theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ và không muộn hơn tháng cấp đăng ký xe. Ví dụ: theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ thì việc kiểm định khí thải đối với xe được áp dụng từ 01/01/2028, tháng cấp đăng ký xe là tháng 5 năm 2023 thì phải thực hiện kiểm định khí thải không muộn hơn tháng 5/2028.

⁽⁵⁾ Thời điểm thực hiện kiểm định lần đầu: tương tự mục ⁽⁴⁾.

Trường hợp không có dữ liệu về năm sản xuất xe thì năm sản xuất được xác định là trên 12 năm nếu xe được đăng ký lần đầu trên 12 năm.